

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số B 01-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi, bổ sung có  
liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã	Thuyết	30/06/2011	31/12/2010
	số	minh	VND	VND
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.116.115.878.349</b>	<b>963.929.555.880</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>32.377.215.170</b>	<b>17.120.367.903</b>
1. Tiền	111	5	32.377.215.170	17.120.367.903
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>71.537.707.554</b>	<b>51.129.707.554</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	71.537.707.554	51.129.707.554
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>614.371.197.046</b>	<b>540.720.474.674</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		358.287.041.996	241.197.835.377
2. Trả trước cho người bán	132		91.181.025.259	152.261.690.828
3. Các khoản phải thu khác	135	7	164.903.129.791	147.260.948.469
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>364.878.251.888</b>	<b>333.230.064.606</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	364.878.251.888	333.230.064.606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.951.506.691</b>	<b>21.728.941.143</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.139.572.723	924.560.915
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.727.984.659	6.064.397.469
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước khác	154	10	2.023.698.601	515.766.880
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	23.060.250.708	14.224.215.879
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>593.281.768.993</b>	<b>474.993.536.029</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>492.279.880.427</b>	<b>387.122.866.636</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	107.501.883.376	97.382.256.704
- Nguyên giá	222		147.384.016.408	132.971.557.958
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.882.133.032)	(35.589.301.254)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	6.584.063.836	7.265.646.574
- Nguyên giá	225		12.186.724.645	12.186.724.645
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.602.660.809)	(4.921.078.071)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	97.289.589.419	95.533.115.757
- Nguyên giá	228		97.562.728.510	95.712.728.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(273.139.091)	(179.612.753)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	280.904.343.796	186.941.847.601
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	16	<b>66.720.417.973</b>	<b>66.720.417.973</b>
- Nguyên giá	241		66.720.417.973	66.720.417.973
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>25.500.766.000</b>	<b>15.600.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	25.500.766.000	15.600.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.780.704.593</b>	<b>5.550.251.420</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	7.939.504.593	3.827.019.819
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	882.031.601
3. Tài sản dài hạn khác	268	19	841.200.000	841.200.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.709.397.647.342</b>	<b>1.438.923.091.909</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN		Mã	Thuyết	30/06/2011	31/12/2010
		số	minh	VND	VND
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.176.407.378.789</b>	<b>941.847.896.450</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>799.321.067.482</b>	<b>825.585.475.497</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	20	345.093.488.176	337.947.162.219
2.	Phải trả cho người bán	312		221.368.758.755	227.266.909.313
3.	Người mua trả tiền trước	313		39.581.617.796	12.826.438.797
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	28.887.089.451	25.215.217.113
5.	Phải trả người lao động	315		4.184.835.570	3.884.742.222
6.	Chi phí phải trả	316	22	7.908.818.604	4.892.098.219
7.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	23	152.501.665.511	213.167.606.080
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(205.206.381)	385.301.534
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>377.086.311.307</b>	<b>116.262.420.953</b>
1.	Phải trả dài hạn khác	333		327.000.000	327.000.000
2.	Vay và nợ dài hạn	334	24	367.972.184.274	108.067.242.274
	+ Vay và nợ các ngân hàng			154.572.184.274	108.067.242.274
	+ Trái phiếu phát hành			213.400.000.000	
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		325.566.101	
4.	Doanh thu chưa thực hiện	338	25	8.461.560.932	7.868.178.679
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>425.039.700.863</b>	<b>397.862.742.199</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>425.039.700.863</b>	<b>397.862.742.199</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	26	320.098.270.000	291.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	26	3.442.712.000	13.335.942.000
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	26	619.132.929	797.041.140
4.	Quỹ đầu tư phát triển	417	26	10.204.148.607	6.303.832.983
5.	Quỹ dự phòng tài chính	418	26	2.042.984.719	1.667.966.786
6.	Lợi nhuận chưa phân phối	420	26	88.632.452.608	84.757.959.290
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>			
<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>107.950.567.690</b>	<b>99.212.453.260</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>1.709.397.647.342</b>	<b>1.438.923.091.909</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

TT	CHỈ TIÊU		30/06/2011	31/12/2010
	Ngoại tệ các loại	USD	126.442,40	84.497,19

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Ngày 30 tháng 06 năm 2011**

**Tổng Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**( Đã ký )**

**( Đã ký )**

**Nguyễn Đình Trạc**

**Nguyễn Thanh Tùng**

*Gia Lai, ngày 18 tháng 08 năm 2011*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2011

Mẫu số B 02-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	27	<b>229.908.674.280</b>	<b>493.478.074.454</b>	<b>433.742.540.991</b>	<b>644.430.143.064</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	4.800.000	22.496.449	4.800.000	44.048.648
Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	27	229.903.874.280	493.455.578.005	433.737.740.991	644.386.094.416
Giá vốn hàng bán	11	28	190.154.087.215	434.772.925.010	358.149.704.208	561.825.030.092
<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>39.749.787.065</b>	<b>58.682.652.995</b>	<b>75.588.036.783</b>	<b>82.561.064.324</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	12.663.294.630	926.552.431	13.540.950.290	1.320.663.855
Chi phí tài chính	22	30	18.307.325.013	6.330.982.828	24.479.569.421	10.833.215.853
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.480.727.157	6.053.020.007	23.287.101.886	10.555.253.032
Chi phí bán hàng	24		387.913.458	1.123.492.670	1.939.430.623	2.430.945.108
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.851.118.115	7.176.651.588	14.807.928.243	10.956.626.067
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>24.866.725.109</b>	<b>44.978.078.340</b>	<b>47.902.058.786</b>	<b>59.660.941.151</b>
Thu nhập khác	31	31	717.855.247	1.666.198.693	2.798.566.771	1.684.748.653
Chi phí khác	32	32	422.550.883	288.604.803	3.420.207.853	796.339.285
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>295.304.364</b>	<b>1.377.593.890</b>	<b>(621.641.082)</b>	<b>888.409.368</b>
<b>Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>			-	-	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	33	<b>25.162.029.473</b>	<b>46.355.672.230</b>	<b>47.280.417.705</b>	<b>60.549.350.519</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	6.492.711.315	11.740.245.914	12.438.512.647	15.199.955.222
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33		9.042.416	-	9.042.416
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	33	<b>18.669.318.158</b>	<b>34.606.383.900</b>	<b>34.841.905.058</b>	<b>45.340.352.881</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.205.459.722		2.856.292.279	1.029.019.678
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		16.463.858.436	34.606.383.900	31.985.612.779	44.311.333.203
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	514,34	1.189,00	999,24	1.522,73

**Tổng Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

( Đã ký )

( Đã ký )

**Nguyễn Đình Trạc**

**Nguyễn Thanh Tùng**

Gia Lai, ngày 18 tháng 08 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2011

Mẫu số B 03-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	349.227.493.234	570.298.149.524
Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(453.909.673.296)	(622.627.059.204)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.526.942.942)	(13.645.782.826)
Tiền chi trả lãi vay	04	(26.005.375.862)	(10.555.253.032)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(2.595.329.950)	(276.496.231)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	369.745.774.155	306.876.736.561
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(433.512.291.810)	(201.827.617.854)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(211.576.346.471)</b>	<b>28.242.676.938</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(34.019.742.417)	(41.742.271.380)
Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	25.371.616.691	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(21.820.000.000)	(160.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	1.542.000.000	2.035.865.330
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	485.693.873	1.034.271.106
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(28.440.431.853)</b>	<b>(38.832.134.944)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	7.633.740.000	2.089.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	517.559.994.500	252.012.004.288
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(269.669.748.020)	(218.788.493.220)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(400.370.000)	(499.502.456)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.015.975)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>255.123.616.480</b>	<b>34.809.992.637</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>15.106.838.156</b>	<b>24.220.534.631</b>
<b>Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>17.120.367.903</b>	<b>13.438.427.649</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	150.009.111	43.808.931
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>32.377.215.170</b>	<b>37.702.771.211</b>

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

( Đã ký )

( Đã ký )

Nguyễn Đình Trạc  
Gia Lai, ngày 18

Nguyễn Thanh Tùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2011**

**Mẫu số B 03-DN/HN**  
*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính*

tháng 08 năm 2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/04/2011. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Mua bán gỗ các loại;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác đá Granite; Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành; Kinh doanh vận tải bằng xe buýt; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ khác;
- Cơ sở lưu trú khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây cao su; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Khai thác quặng bôxít;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ rừng trồng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Kinh doanh bất động sản (trừ đấu giá tài sản), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ ăn uống khác; Cho thuê văn phòng;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón, bán buôn phân bón;
- Khai thác quặng sắt, khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Chế biến khoáng sản (không chở đá thô ra ngoài tỉnh);
- Hoạt động thể thao; Phát hành vé xem thi đấu thể thao; Quảng cáo;
- Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT).
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: cầu đường, dân dụng và công nghiệp).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2011 của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai) và hai mươi công ty con.

### **Các Công ty con được hợp nhất**

- ✓ ***Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai***
  - Địa chỉ trụ sở chính: Lô C4, đường số 4, KCN Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ; Mua bán gỗ các loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Tư vấn thiết kế về trang trí nội thất; Mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.
  - Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,25%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
  
- ✓ ***Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai***
  - Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng; Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ ăn uống khác; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.
  - Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 54,67%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
  
- ✓ ***Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai***
  - Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công Nghiệp Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.
  - Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 66,67%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
  
- ✓ ***Công ty TNHH Một TV Cung ứng Nguyên vật liệu vật tư & Thiết bị Đức Long Gia Lai***



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Mua bán kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán máy móc, thiết bị chế biến gỗ, chế biến đá.
  - Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 100,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện lớn; Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng các công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu; Xây dựng công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp; Đầu tư cung cấp nước sạch, Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Đầu tư, xây dựng, quản lý khu du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.
  - Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Thành phố Pleiku.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Sản xuất, chế tạo vật tư, cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Quảng cáo; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất; Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh; Đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Phá dỡ công trình; Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công, các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà máy thủy điện.
  - Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ **Công ty Cổ phần Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đầu tư xây dựng bến bãi; Dịch vụ ăn uống; Đại lý mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan; Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú; Bán buôn tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.
  - Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Trồng rừng và cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
  - Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai**
  - Địa chỉ trụ sở chính: 5/21 Nguyễn Cửu Đàm, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, Tp HCM.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
  - Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai**
  - Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng; Khai thác khoáng sản (không khai thác tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hàng bằng ô tô; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán). Lập tổng dự toán và dự toán. Tư vấn đấu thầu. Quản lý dự án. Cho thuê máy móc – thiết bị công trình xây dựng; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở); Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ giữ xe. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Đào tạo nghề.
  - Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện lạnh. Mua bán, sửa chữa máy móc, thiết bị ngành điện lạnh (không tái chế phế thải, gia công cơ khí, và xi mạ điện tại trụ sở); Môi giới thương mại, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán); Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình đường bộ. Xây dựng công trình công ích; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.
  - Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không khai thác tại tỉnh Gia Lai); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại: các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích, công trình công nghiệp và công trình dân dụng kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
  - Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long**
- Địa chỉ trụ sở chính: Khối phố 3, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ công trình; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Khai thác đá Granit, đá Bazan.
  - Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Vận tải hàng; Bốc xếp hàng hóa; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng các loại công trình: thủy lợi, công nghiệp, đường bộ, điện đến 35 KV.
  - Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
  - Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 65,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
  - Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 70,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT & BT).
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **✓ Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng**

- Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bê Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống. Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật, phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng, mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1a, xã Hòa Phước huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 85,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/06/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

### **✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Mười Tùng**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp; Đầu tư, xây dựng công trình (theo hình thức BOT & BT); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/06/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

### **✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Đức Long Gia Lai.**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Địa chỉ trụ sở chính: 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục tiểu học; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/06/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

### ✓ **Công ty cổ phần Điện Đức Long Tà Nung Đà Lạt**

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, thôn 4, Xã Tà Nung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại, Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, nuôi trồng thủy sản nội địa, xây dựng công trình công ích, hoàn thiện công trình xây dựng. Lập dự án thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình hạ tầng cơ sở. Sản xuất, chế tạo, kinh doanh vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường. Sản xuất vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội, ngoại thất. Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh. Đầu tư quản lý các dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, thủy điện. Vận hành các công trình thủy điện và thủy lợi lớn và các công trình vừa và nhỏ.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 30/06/2011 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

### **Công ty liên kết**

#### ✓ **Công ty cổ phần Đức Long Tây Nguyên**

- Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Tỷ lệ phần sở hữu: 40%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 40%

#### ✓ **Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông gia lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 53 Quang Trung – Thành phố Pleiku - Tỉnh Gia Lai
- Tỷ lệ phần sở hữu: 20%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20%

## **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan; Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

##### **Các công ty con**

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.7 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

### **4.9 Tài sản cố định vô hình**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đi thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### ***Các tài sản cố định vô hình khác***

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

### **4.10 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.12 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

### **4.13 Chi phí vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.14 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.15 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

chính các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### **4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Công ty mẹ và Các Công ty con được hưởng các ưu đãi về thuế như sau:
  - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 2 năm tiếp theo kể từ khi kinh doanh có lãi. Năm 2007 là năm đầu tiên đơn vị kinh doanh có lãi. Do đó, Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm (2007 – 2008) và giảm trong 2 năm tiếp theo (2009 – 2010).
  - Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong vòng 8 năm (từ năm 2008 đến 2015) và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 năm tiếp theo kể từ năm 2008. (Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 39221000010 ngày 20/12/2007 của Ban quản lý các KCN Tỉnh Gia Lai).
  - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 25% lợi nhuận thu được. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000119 ngày 12 tháng 01 năm 2011 của UBND Tỉnh Gia Lai, Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và giảm 50% cho 04 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	21.737.082.054	11.772.542.543
Tiền gửi ngân hàng	10.640.133.116	5.347.825.360
<b>Cộng</b>	<b>32.377.215.170</b>	<b>17.120.367.903</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác(gửi tiết kiệm ngân hàng)	1.800.000.000	2.600.000.000
Cho vay ngắn hạn	69.737.707.554	48.529.707.554
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>71.537.707.554</b>	<b>51.129.707.554</b>

### 7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	211.857.144	211.857.144
Các khoản phải thu khác	164.691.272.647	147.049.091.325
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>164.903.129.791</b>	<b>147.260.948.469</b>

### 8. Hàng tồn kho

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	109.388.239.999	98.336.944.914
Công cụ dụng cụ	468.673.962	453.845.756
Chi phí SXKD dở dang	141.520.933.890	121.300.143.998
Thành phẩm	16.333.443.633	22.076.438.884
Hàng hóa	97.166.960.404	91.062.691.054
	-	-
<b>Cộng</b>	<b>364.878.251.888</b>	<b>333.230.064.606</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	267.895.874	360.526.436
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	871.676.849	564.034.479
<b>Cộng</b>	<b>1.139.572.723</b>	<b>924.560.915</b>

### 10. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế GTGT nộp thừa	2.023.698.601	515.766.880
- Thuế GTGT	1.980.463.658	290.360.471
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	220.124.541
- Thuế Thu nhập DN	43.234.943	5.003.334
- Thuế TNCN	-	278.534
<b>Cộng</b>	<b>2.023.698.601</b>	<b>515.766.880</b>

### 11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	20.175.567.728	13.216.015.879
- Các cá nhân khác	20.175.567.728	
Bảo đảm tiền vay Ngân hàng Phát triển Gia Lai	1.282.182.980	1.000.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.602.500.000	8.200.000
<b>Cộng</b>	<b>23.060.250.708</b>	<b>14.224.215.879</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	82.352.816.923	25.868.845.134	23.791.775.702	958.120.199	132.971.557.958
Tăng trong năm	5.757.760.518	7.598.473.436	5.102.151.942	138.650.910	18.597.036.806
Giảm trong năm	-	-	4.184.578.356	-	4.184.578.356
<b>Số cuối năm</b>	<b>88.110.577.441</b>	<b>33.467.318.570</b>	<b>24.709.349.288</b>	<b>1.096.771.109</b>	<b>147.384.016.408</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	18.601.488.704	9.599.835.657	6.997.013.106	390.963.787	35.589.301.254
Tăng trong năm	1.829.895.302	1.252.178.292	1.324.636.362	95.147.728	4.501.857.684
Giảm trong năm	-	-	209.025.906	-	209.025.906
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.431.384.006</b>	<b>10.852.013.949</b>	<b>8.112.623.562</b>	<b>486.111.515</b>	<b>39.882.133.032</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	63.751.328.219	16.269.009.477	16.794.762.596	567.156.412	97.382.256.704
<b>Số cuối năm</b>	<b>67.679.193.435</b>	<b>22.615.304.621</b>	<b>16.596.725.726</b>	<b>610.659.594</b>	<b>107.501.883.376</b>

### 2. Tài sản cố định thuê Tài chính

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	7.611.142.857	4.575.581.788	12.186.724.645	
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.611.142.857</b>	<b>4.575.581.788</b>	<b>12.186.724.645</b>	
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	3.196.221.020	1.724.857.051	4.921.078.071	
Tăng trong năm	441.492.186	240.090.552	681.582.738	
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.637.713.206</b>	<b>1.964.947.603</b>	<b>5.602.660.809</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	4.414.921.837	2.850.724.737	7.265.646.574	
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.973.429.651</b>	<b>2.610.634.185</b>	<b>6.584.063.836</b>	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 3. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	95.255.882.814	456.845.696	-	95.712.728.510
Tăng trong năm	-	-	1.850.000.000	1.850.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>95.255.882.814</b>	<b>456.845.696</b>	<b>1.850.000.000</b>	<b>97.562.728.510</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	-	179.612.753	-	179.612.753
Tăng trong năm	-	50.757.522	42.768.816	93.526.338
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>230.370.275</b>	<b>42.768.816</b>	<b>273.139.091</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	95.255.882.814	277.232.943	-	95.533.115.757
<b>Số cuối năm</b>	<b>95.255.882.814</b>	<b>226.475.421</b>	<b>1.807.231.184</b>	<b>97.289.589.419</b>

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự án trồng cao su	68.449.738.712	60.593.809.707
Dự án thủy điện	45.486.211.707	40.073.095.282
Dự án Bến xe	95.716.712.886	73.367.377.704
Dự án các mỏ	2.281.423.096	1.711.225.265
Dự án công trình đường	46.548.856.280	3.894.830.141
Dự án khác	22.421.401.115	7.301.509.502
<b>Cộng</b>	<b>280.904.343.796</b>	<b>186.941.847.601</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
<b>- Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>25.500.766.000</b>	<b>15.600.000.000</b>
+ Góp vốn vào công ty Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn	5.600.000.000	5.600.000.000
+ Tiền gửi tiết kiệm	1.000.000.000	
+ Góp vốn cho Cty TVTK Xây dựng giao thông Gia Lai	8.900.766.000	
+ Trái phiếu ngân hàng công thương	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.500.766.000</b>	<b>15.600.000.000</b>

### 14. Bất động sản đầu tư

Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 15. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.856.200.167	3.299.125.010
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	5.083.304.426	527.894.809
<b>Cộng</b>	<b>7.939.504.593</b>	<b>3.827.019.819</b>

### 16. Tài sản dài hạn khác

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Khoản ký quỹ, ký cược(Công ty cho thuê Tài chính II)	750.200.000	750.200.000
Khoản ký quỹ môi trường	91.000.000	91.000.000
<b>Cộng</b>	<b>841.200.000</b>	<b>841.200.000</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 17. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>322.846.422.176</b>	<b>312.729.326.219</b>
- Ngân hàng Công Thương Gia Lai	41.551.000.000	47.831.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai	252.897.392.274	221.977.638.937
- Ngân hàng Ngoại Thương Gia Lai	6.135.000.000	6.630.000.000
- Ngân hàng Phát Triển Gia Lai	8.760.000.000	19.800.000.000
- Ngân hàng Eximbank_CN Tân Sơn Nhất	9.711.000.000	14.397.123.380
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	312.000.000	
- Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và PT Đăknong	1.000.000.000	476.630.000
- Vay cá nhân	2.480.029.902	1.616.933.902
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>22.247.066.000</b>	<b>25.217.836.000</b>
- Ngân hàng Công Thương Gia Lai	0	250.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai	18.470.000.000	20.480.000.000
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	0	312.000.000
- Ngân hàng Thương mại CP Kỹ Thương VN - CN Gia Lai	210.366.000	290.736.000
- Ngân hàng Thương mại CP XNK VN_CN Tân Sơn Nhất	500.400.000	1.000.800.000
- Công ty cho thuê tài chính II tại Khánh Hòa	3.066.300.000	2.884.300.000
<b>Cộng</b>	<b>345.093.488.176</b>	<b>337.947.162.219</b>

### 18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
+ Thuế GTGT đầu ra	4.473.029.378	10.708.085.251
+ Thuế Thu nhập cá nhân	80.490.926	60.359.595
+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp	21.623.001.329	11.837.335.877
+ Thuế Tài nguyên	201.067.818	99.936.390
+ Tiền thuế đất, thuế nhà đất	2.509.500.000	2.509.500.000
+ Tiền xuất nhập khẩu	0	
+ Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	
<b>Cộng</b>	<b>28.887.089.451</b>	<b>25.215.217.113</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 19. Chi phí phải trả

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Lãi vay phải trả	7.728.818.604	1.507.683.969
- Trích trước chi phí hạng mục CT kê chấn đấ san nền	0	3.159.090.909
- Chi phí khác	180.000.000	225.323.341
<b>Cộng</b>	<b>7.908.818.604</b>	<b>4.892.098.219</b>

### 20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
+ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	214.205.661	41.678.184
+ Bảo hiểm thất nghiệp	17.806.111	34.337.424
+ Kinh phí công đoàn	30.173.256	16.724.126
+ Tạm ứng(dư có)	400.000	15.329.195
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	239.400.000	215.800.000
+ Cổ tức phải trả	771.047.955	770.971.755
- Các đối tượng khác	151.228.632.528	212.072.765.396
<b>Cộng</b>	<b>152.501.665.511</b>	<b>213.167.606.080</b>

### 21. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
a. Vay dài hạn	151.928.084.274	104.723.142.274
+ Ngân hàng Công thương Gia Lai(1)	38.105.000.000	16.785.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai(2)	73.610.322.274	61.613.172.274
+ Ngân hàng Sài Gòn thương Tín CN Gia Lai(3)	156.000.000	312.000.000
+ Ngân hàng TMCP Việt A - CN Quảng Ngãi(4)	26.674.803.000	22.535.803.000
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Gia Lai(5)	579.769.000	644.767.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển ĐakNong(6)	977.830.000	
+ Ngân hàng Sacombank(7)	8.991.960.000	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

+ Ngân hàng TMCP XNK VN_CN Tân Sơn Nhất(8)	2.832.400.000	2.832.400.000
b. Nợ dài hạn	2.644.100.000	3.344.100.000
- CN Công ty Thuê tài chính II tại Khánh Hòa	2.644.100.000	3.344.100.000
c. Mệnh giá trái phiếu	213.400.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>367.972.184.274</b>	<b>108.067.242.274</b>

### 22. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Doanh thu bán căn hộ	7.459.486.029	6.482.339.634
- Doanh thu cho thuê cây xăng	429.545.451	486.818.176
- Doanh thu dịch vụ bảo vệ	0	46.741.417
- Lãi trái phiếu Ngân hàng Công Thương	572.529.452	852.279.452
<b>Cộng</b>	<b>8.461.560.932</b>	<b>7.868.178.679</b>

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư	Chênh lệch	Quỹ đầu tư	Quỹ dự	LN sau thuế
	VND	vốn CP	tỷ giá	phát triển	phòng	chưa phân
	VND	VND	hối đoái	VND	tài chính	phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>291.000.000.000</b>	<b>13.335.942.000</b>	<b>(123.938.157)</b>	<b>6.303.832.983</b>	<b>453.469.926</b>	<b>21.902.760.955</b>
Tăng trong năm			1.201.252.047		1.214.496.860	
Lợi nhuận tăng trong năm						65.712.809.779
Trích lập các quỹ						
Giảm trong kỳ			280.272.750			2.857.611.444
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>291.000.000.000</b>	<b>13.335.942.000</b>	<b>797.041.140</b>	<b>6.303.832.983</b>	<b>1.667.966.786</b>	<b>84.757.959.290</b>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>291.000.000.000</b>	<b>13.335.942.000</b>	<b>797.041.140</b>	<b>6.303.832.983</b>	<b>1.667.966.786</b>	<b>84.757.959.290</b>
Tăng trong kỳ	29.098.270.000	-	21.020.666	3.900.315.624	375.017.933	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ						31.985.612.779
Giảm trong kỳ	-	9.893.230.000	198.928.877	-	-	28.111.119.461
<b>Số dư tại 30/06/2011</b>	<b>320.098.270.000</b>	<b>3.442.712.000</b>	<b>619.132.929</b>	<b>10.204.148.607</b>	<b>2.042.984.719</b>	<b>88.632.452.608</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Cổ phiếu

	30/06/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	32.009.827	29.100.000
- Cổ phiếu thường	32.009.827	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	32.009.827	29.100.000
- Cổ phiếu thường	32.009.827	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.009.827	29.100.000
- Cổ phiếu thường	32.009.827	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

### 23.c Lợi ích của cổ đông thiểu số

<b>Vốn đầu tư ban đầu</b>	<b>92.444.000.000</b>	<b>15.690.000.000</b>
- Công ty CP Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai	2.900.000.000	2.900.000.000
- Công ty CP ĐT PT DV CTCC Đức Long Gia Lai	6.800.000.000	6.800.000.000
- Công ty TNHH KT & CB Đá Granit Đức Long Gia Lai	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	100.000.000	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	1.080.000.000	
Công ty CP Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai	2.940.000.000	
Công ty TNHH ĐT XD và Cầu đường Phước Hoàng Long	6.000.000.000	
Công ty TNHH Khai Thác Khoáng Sản Đức Sang GL	800.000.000	
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông	63.395.000.000	
- Công ty CP ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai	7.329.000.000	4.890.000.000
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số năm trước chuyển sang</b>	<b>6.768.453.260</b>	<b>3.593.726.723</b>
- Công ty CP Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai	600.839.462	403.717.561
- Công ty CP ĐT PT DV CTCC Đức Long Gia Lai	5.784.790.912	2.524.728.457
- Công ty TNHH KT & CB Đá Granit Đức Long Gia Lai	923.570.603	665.280.705
- Công ty CP ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai	8.691	
- Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	12.417.978	
- Công ty Cp Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên	(497.628.135)	
- Công ty CP Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai	32.478.456	
- Công ty TNHH Khai Thác Khoáng Sản Đức Sang GL	(88.024.707)	
<b>Lợi ích cổ đông thiểu số tăng trong năm</b>	<b>10.498.604.650</b>	<b>81.270.750.150</b>
- Công ty CP Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai	62.199.122	197.121.901
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	53.626.751	185.548.889
+ Tăng vốn góp		
+ Do điều chỉnh không qua KQKD (Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ)	8.572.371	11.573.012

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **Lợi ích cổ đông thiểu số (tiếp theo)**

- Công ty CP ĐT PT DV CTCC Đức Long Gia Lai	1.622.365.255	3.400.162.594
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.622.365.255	3.400.162.594
+ Tăng vốn góp		
- Công ty TNHH KT & CB Đá Granit Đức Long Gia Lai	2.303.447.657	258.289.898
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	3.447.657	258.289.898
+ Tăng vốn góp	2.300.000.000	
- Công ty CP ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai	812.720.074	2.439.008.691
+ Tăng vốn góp	1.000.000.000	2.439.008.691
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(187.279.926)	
+ Do điều chỉnh không qua KQKD (Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ)		8.691
- Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	(174.621)	112.417.978
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(174.621)	12.417.978
+ Tăng vốn góp		100.000.000
- Công ty Nam Nguyên	(337.577.804)	582.371.865
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(337.577.804)	(497.628.135)
+ Tăng vốn góp		1.080.000.000
- Công ty Minh Long	1.895.939.408	2.972.478.456
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(74.060.592)	32.478.456
+ Tăng vốn góp	1.970.000.000	2.940.000.000
- Công ty Phước Hoàng Long	1.760.490.220	7.103.831.205
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.760.490.220	1.103.831.205
+ Tăng vốn góp		6.000.000.000
- Công ty Đức Sang	21.392.919	810.067.562
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	21.392.919	10.067.562
+ Tăng vốn góp		800.000.000
Công ty CP đầu tư xây dựng Đức Long Gia Lai	57.210.318	
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(6.529.682)	
+ Tăng vốn góp	63.740.000	
- Công ty BOT ĐakNoong	2.300.592.102	63.395.000.000
+ Từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	592.102	
+ Tăng vốn góp	2.300.000.000	63.395.000.000
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số giảm trong năm</b>	<b>1.760.490.220</b>	<b>1.342.023.613</b>
- Công ty CP ĐT PT DV CTCC Đức Long Gia Lai		140.100.139
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban điều hành		140.100.139
- Công ty TNHH ĐT XD và Cầu đường Phước Hoàng Long	1.760.490.220	1.103.831.205
Phân phối lợi nhuận cho các bên góp vốn		1.103.831.205
- Công ty TNHH Khai Thác Khoáng Sản Đức Sang GL		98.092.269
Loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho		98.092.269
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày cuối kỳ</b>	<b>107.950.567.690</b>	<b>99.212.453.260</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>229.908.674.280</b>	<b>493.478.074.454</b>
- Doanh thu bán phân bón	46.309.523.810	
- Doanh thu công trình	61.280.615.784	
- Doanh thu bán hàng	112.499.793.715	325.253.712.782
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.077.927.318	168.224.361.672
- Doanh thu bán đá	1.412.500.381	
- Doanh thu dịch vụ bến xe	6.328.313.272	
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>4.800.000</b>	<b>22.496.449</b>
- Hàng bán bị trả lại (sản phẩm từ gỗ)	4.800.000	22.496.449
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>229.903.874.280</b>	<b>493.455.578.005</b>

### 25. Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010 VND
<b>Giá vốn hàng hóa đã cung cấp</b>	<b>190.154.087.215</b>	<b>434.772.925.010</b>
- Giá vốn bán phân bón	46.252.380.953	
- Giá vốn công trình Xây dựng	31.676.148.043	
- Giá vốn bán hàng	106.404.437.294	319.598.243.690
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.979.668.517	115.174.681.320
- Giá vốn bán đá	859.562.317	
- Giá vốn dịch vụ bến xe	2.981.890.091	
<b>Cộng</b>	<b>190.154.087.215</b>	<b>434.772.925.010</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
	VND	
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.723.178.395	470.159.682
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.217.186	103.328.999
Cổ tức, lợi nhuận được chia	189.504.000	
Lãi trái phiếu ngân hàng công thương	0	170.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.736.395.049	183.063.750
<b>Cộng</b>	<b>12.663.294.630</b>	<b>926.552.431</b>

### 27. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
	VND	
Lãi tiền vay	17.480.727.157	6.053.020.007
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	93.195.356	277.962.821
Lãi thuê tài chính	733.402.500	
<b>Cộng</b>	<b>18.307.325.013</b>	<b>6.330.982.828</b>

### 28. Thu nhập khác

	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
	VND	
Thu bán phế liệu	0	1.043.354.869
Thu nhập cho thuê tài sản	0	584.031.958
Trang phục bảo vệ	88.712.731	
Thu khác	629.142.516	38.811.866
<b>Cộng</b>	<b>717.855.247</b>	<b>1.666.198.693</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 29. Chi phí khác

	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
	VND	
Chi phí cho thuê tài sản	339.193.790	
Nộp phạt thuế, phạt nộp chậm	42.063.429	
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	13.900.000	
Chi phí khác	27.393.664	288.604.803
<b>Cộng</b>	<b>422.550.883</b>	<b>288.604.803</b>

### 30. Chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ

	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
	VND	
<b>Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>25.162.029.473</b>	<b>46.355.672.230</b>
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế	430.433.508	1.073.893.271
Điều chỉnh tăng	430.433.508	1.243.893.271
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	245.671.371	13.769.705
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	184.762.137	731.123.566
+ Chi phí lãi vay do chưa góp đủ vốn điều lệ	0	499.000.000
Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	-	170.000.000
+ Cổ tức được nhận		170.000.000
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>25.592.462.981</b>	<b>47.259.565.501</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (25%)	6.763.288.829	11.740.245.914
<i>Thuế TNDN được giảm (ưu đãi đầu tư) 50%</i>	270.577.514	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.492.711.315	11.740.245.914
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		9.042.416
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>18.669.318.158</b>	<b>34.606.383.900</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	2.205.459.722	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	16.463.858.436	34.606.383.900



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.463.858.436	34.606.383.900
Các khoản điều chỉnh để xác định LN phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	16.463.858.436	34.606.383.900
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.009.827	29.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>514,34</b>	<b>1.189,22</b>

### 32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 33. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc

( Đã ký )

Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 18 tháng 08 năm 2011

Kế toán trưởng

( Đã ký )

Nguyễn Thanh Tùng